TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2018/QĐST-HNGĐ	*Kim Thành, ngày 26 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018, giữa:

Anh Lê Văn H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương - là nguyên đơn và chị Lê Thị L, sinh năm 1990; nơi ĐKHKTT: Xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng - là bị đơn.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn H và chị Lê Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh H, chị L xác định có 02 con chung là cháu Lê Quang M1, sinh ngày 06/3/2012, cháu Lê Thị Hà M2, sinh ngày 29/8/2015 và thống nhất giao cả 2 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị L, mỗi tháng 01 (một) triệu đồng/cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2018 đến khi con chung trưởng thành – đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành

viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Anh H, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh H tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng và chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000756 ngày 13/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, anh H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương);
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thế Hưng